

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Vĩnh Hoàng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2025				
		Xã Vĩnh Hoàng	Cộng gộp giao thu từ các xã			
			Vĩnh Tú	Trung Nam	Vĩnh Thái	Vĩnh Hòa
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.808	541	367	563	338
	<i>Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>1.256</i>	<i>370</i>	<i>274</i>	<i>359</i>	<i>253</i>
I	Thu nội địa trên địa bàn	1.808	541	367	563	338
1	Thu XNQD địa phương	-				
2	Thu DN có vốn ĐTNN	-				
3	Thuế CTN & DV NQD	475	198	97	112	69
4	Lệ phí trước bạ	201	66	26	78	31
5	Thuế sử dụng đất phi NN	3	2	1	-	-
6	Thu tiền thuê đất	-	-	-		-
7	Thuế thu nhập cá nhân	783	220	129	312	122
8	Thu phí và lệ phí	91	20	34	16	21
	<i>- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>					
	<i>- Phí tham quan</i>					
9	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-		-
10	Thu khác	-				
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW</i>					
	<i>Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa</i>					
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-				
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	255	35	80	45	95
13	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP được hưởng 100%					
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	-	-	-		-
1	Thu tiền thuê đất	-		-		-
2	Thu phí tham quan					
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt					
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 xã Vĩnh Hoàng sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ chi	Số đã chi 6 tháng ngân sách huyện điều chỉnh qua xã trung tâm	
			Vĩnh Tú	Trung Nam	Vĩnh Thái	Vĩnh Hòa				
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	-	-	-	-	-				-
II	Chi thường xuyên (1)	27.084	7.069	7.604	6.301	6.110	67.657	67.657	-	94.741
	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	180	45	45	45	45	63.371	63.371		63.551
III	Dự phòng ngân sách	553	144	155	128	125	649	649		1.201
IV	Chi bổ sung có mục tiêu	3.191	876	763	803	749	6.249	6.249	-	9.440
1	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	1.525	393	390	436	306	6.106	6.106		7.631
2	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	1.666	483	373	368	443	143	143		1.809

(1) Bao gồm số tiết kiệm chi 7 tháng còn lại theo Nghị quyết số 173/NQ-CP: 300 triệu đồng

BỔ SUNG TĂNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Vĩnh Hoàng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán chi thường xuyên	Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu, chính sách an sinh xã hội
A	Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã	67.657	66.061	1.596
I	Sự nghiệp giáo dục (1)	63.371	63.065	306
1	Trường Mầm non Vĩnh Tú	4.000	4.000	
2	Trường Mầm non Số 1 Trung Nam	4.022	4.022	
3	Trường Mầm non Vĩnh Thái	4.149	4.149	
4	Trường Mầm non Số 2 Trung Nam	4.121	4.121	
5	Trường Mầm non Vĩnh Hoà	5.638	5.638	
6	Trường TH Trung Nam	5.266	5.266	
7	Trường TH Vĩnh Thái	5.159	5.159	
8	Trường TH&THCS Trung Nam	10.338	10.338	
9	Trường TH&THCS Vĩnh Hoà	8.850	8.850	
10	Trường TH&THCS Vĩnh Tú	6.915	6.915	
11	Trường THCS Vĩnh Thái	4.403	4.403	
12	Chính sách ASXH	306		306
13	Đào tạo và đào tạo lại	20	20	
14	Kinh phí chung chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	182	182	
II	Sự nghiệp y tế	34	0	34
1	BHYT cho đối tượng BTXH	34	0	34
III	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.256	0	1.256
1	Kinh phí trợ cấp thường xuyên các đối tượng BTXH theo ND số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ	1.127	0	1.127
2	Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	0	0	0
3	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng CS	79	0	79
4	Kinh phí chung chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	50		50
IV	Các nhiệm vụ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khác	2.997	2.997	
B	Dự phòng ngân sách	649	649	
C	Bổ sung có mục tiêu	6.249		6.249

(1) Dự toán giao các trường chuyển giao nguyên trạng từ dự toán giao đầu năm và bổ sung mục tiêu trong năm

CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Vĩnh Hoàng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	Tổng cộng	7.291
1	Các chế độ, chính sách TW	7.291
1.1	SN Giáo dục - Đào tạo	1.216
1.1.1	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	106
1.1.2	Kinh phí thực hiện chính sách theo TCTL số 42/2013/TCTL-BGDĐT- BLĐT BXH-BTC năm 2024	175
1.1.3	Kinh phí thực hiện chính sách 81/2021/NĐ-CP	935
1.2	SN Y tế	294
1.2.1	BHYT cho đối tượng BTXH	294
1.3	SN đảm bảo xã hội	5.781
1.3.1	Kinh phí trợ cấp thường xuyên các đối tượng BTXH theo NĐ số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ	5.702
1.3.2	Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	-
1.3.3	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách	79

(1) Kinh phí thực hiện các chính sách sự nghiệp kinh tế đã giao dự toán cho các xã từ đầu năm

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)***Xã Vĩnh Hoàng**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Vĩnh Tú	Trung Nam	Vĩnh Thái	Vĩnh Hòa				
	Tổng cộng	1.666	483	373	368	443	143	143	-	1.809
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	1.431	358	358	358	358	-	-	-	1.431
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	800	200	200	200	200	-			800
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	88	22	22	22	22	-			88
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	404	101	101	101	101	-			404
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	30,0	7,5	7,5	7,5	7,5	-			30
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	108,8	27,2	27,2	27,2	27,2	-			108,8
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	235	125	15	10	85	143	143	-	378
1	Thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKT nông thôn; triển khai CT mỗi xã một SP (OCOP).....	-					96	96		96

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Vĩnh Tú	Trung Nam	Vĩnh Thái	Vĩnh Hòa				
2	Thành phần số 06. Nâng cao chất lượng đời sống VH của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị VH truyền thống....	60				60	-			60
3	Thành phần số 07. Nâng cao chất lượng MT; xây dựng cảnh quan NT sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn....	100	100				-			100
4	Thành phần số 08. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các DV hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở....	55	15	15	10	15	-			55
5	Thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông về xây dựng nông thôn mới...	20	10			10	47	47		67